

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ LAO
ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI
Số: 05/LB/TC-LĐTBOXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 1 năm 1996

THÔNG TƯ

CỦA LIÊN BỘ BỘ TÀI CHÍNH - LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Hướng dẫn chế độ tài chính về đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài
theo

Nghị định số 07/CP ngày 20/01/1995 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 07/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, liên Bộ Tài chính - Lao động và Xã hội hướng dẫn cụ thể một số chế độ tài chính như sau:

A- CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ

I. TIỀN ĐẶT CỌC:

1. Đối với người lao động:

Người lao động phải nộp cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài một khoản tiền đặt cọc nhằm bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Đối với tổ chức kinh tế:

Thu và quản lý tiền đặt cọc của người lao động, có thể thực hiện một lần hoặc trích dần từ tiền lương hàng tháng và được hạch toán là khoản "phải trả" để đảm bảo hoàn trả đúng hạn.

Mức và thể thức đặt cọc do tổ chức kinh tế và người lao động thỏa thuận, nhưng không quá tiền một lượt vé máy bay đưa người lao động từ Việt Nam đến nơi làm việc ở nước ngoài và phải được ghi rõ trong hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài mà người lao động ký với tổ chức kinh tế đưa đi.

Trong vòng 1 tháng kể từ ngày người lao động hoàn thành hợp đồng về nước hoặc do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải hoàn trả lại cho người lao động khoảng tiền đặt cọc cộng với lãi tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Trường hợp người lao động vi phạm hợp đồng lao động, gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế được quyền khấu trừ tiền đặt cọc và lãi tiền gửi (nếu có) của người lao động theo đúng chế độ bồi thường vật chất, nhưng phải thông báo công khai cho người lao động biết rõ lý do và mức phải trừ.

Sau khi kết thúc hợp đồng lao động, nếu người lao động chưa về nước thì chưa được nhận lại tiền đặt cọc, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tiếp tục quản lý khoản tiền này theo quy định tại phần A, mục I, điểm 2 để chờ xử lý theo pháp luật hiện hành của Nhà nước.

II. BẢO HIỂM XÃ HỘI

1. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH) của nước đến làm việc theo thoả thuận cụ thể ghi trong hợp đồng, đây là một trong những điều kiện mà tổ chức kinh tế khi ký kết hợp đồng với bên sử dụng lao động nước ngoài phải đạt được nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động từ khi họ làm thủ tục xuất cảnh rời khỏi Việt Nam đến khi họ hoàn thành hợp đồng trở về nước.

2. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho bảo hiểm xã hội Việt Nam để được hưởng các chế độ hưu trí, tử tuất.

Mức BHXH tạm thời thực hiện hàng tháng bằng 15% của 2 lần tiền lương tối thiểu do Chính phủ Việt Nam quy định cho từng thời kỳ.

3. Tổ chức kinh tế có trách nhiệm khi trả lương hàng tháng cho người lao động thì trích lại tiền bảo hiểm xã hội và hạch toán riêng khoản đóng bảo hiểm xã hội của từng người lao động để có cơ sở ghi vào sổ bảo hiểm xã hội theo quy định của cơ quan bảo hiểm xã hội Việt Nam. Trường hợp người lao động không lĩnh lương hàng tháng, hoặc việc chi trả lương không thông qua tổ chức kinh tế thì việc thu BHXH thực hiện với các hình thức thích hợp theo thoả thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế cho cả hợp đồng.

III. PHÍ DỊCH VỤ

1. Đối với tổ chức kinh tế:

Phí dịch vụ là doanh thu để tính thuế dịch vụ công ích của tổ chức kinh tế và dùng để chi phí cho bộ máy hoạt động cung ứng lao động; chi phí tuyển chọn; khám sức khỏe; bồi dưỡng và kiểm tra tay nghề, bồi dưỡng ngoại ngữ; giáo dục tập huấn trước khi đi; quản lý lao động ở trong và ngoài nước; làm các thủ tục hồ sơ từ cấp huyện (quận) trở lên có liên quan đến xuất cảnh và nhập cảnh, chuyển trả người lao động về cơ sở trước khi đi.

Tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được phép thu của người lao động một khoản phí dịch vụ tối đa không quá 12% thu nhập theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động trả cho người lao động không bao gồm tiền ăn, ở và tiền bảo hiểm tại chỗ trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Trong từng hợp đồng cụ thể, nếu thu nhập có tính cả chi phí ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì phí dịch vụ mà tổ chức kinh tế được phép thu tối đa không quá 8% thu nhập đó.

Tỷ lệ thu phí dịch vụ của tổ chức kinh tế được trích sau khi trừ khỏi thu nhập hàng tháng các khoản sau đây:

- Tiền vé máy bay 1 lượt hoặc khứ hồi từ Việt nam đến nước làm việc mà hợp đồng ghi rõ là người lao động phải chịu, giá vé được xác định theo giá đã mua với hành trình hợp lý(không bao gồm cước hành lý).
- Các khoản phải nộp cho nước đến làm việc theo luật nước đó (nếu có).

Các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng để thu phí dịch vụ nói trên được xác định bằng cách lấy tổng giá trị tính trừ chia đều cho số tháng của cả thời gian làm việc ghi trong hợp đồng.

Ngoài khoản phí dịch vụ nói trên, tổ chức kinh tế không được thu thêm bất kỳ một khoản phí nào khác của người lao động.

Nhằm tăng cường trách nhiệm của người lao động, khi đến đăng ký xin đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức kinh tế được phép tạm thu trước một khoản chi phí bảo đảm vừa đủ cho các nội dung công việc sau đây (mức thu không quá 1 triệu đồng Việt nam):

- Khám tuyển sức khỏe theo mức qui định của Bộ y tế .
- Kiểm tra ngoại ngữ, tay nghề (kể cả kinh phí phải bồi dưỡng, đào tạo lại theo yêu cầu của hợp đồng lao động) với mức chi theo qui định của Bộ giáo dục.

- Các chi phí có liên quan đến làm hồ sơ, thủ tục xuất cảnh từ khâu huyện, quận trở lên cho người lao động.
- Các chi phí có liên quan đến tập huấn, huấn luyện trước khi đi.

Khoản chi phí đã tạm thu trước của người lao động nói trên, tổ chức kinh tế có trách nhiệm hoàn trả lại khi ký hợp đồng chính thức với người lao động trước khi họ đi ra nước ngoài (theo quy định tại mục II, điểm 2, tiết c thông tư hướng dẫn số 20/LĐTBXH ngày 3-8-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trường hợp không thực hiện được hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài, nếu do người lao động (không có nhu cầu nữa, hoặc không đủ các điều kiện qui định trong hợp đồng) thì người lao động phải chịu phần chi phí tính theo từng nội dung công việc cụ thể mà tổ chức kinh tế đã thực hiện; nếu hợp đồng không thực hiện được do tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải chịu chi phí và hoàn trả lại ngay số tiền đã tạm thu cho người lao động.

2. Đối với người lao động:

- Có nghĩa vụ nộp phí dịch vụ hàng tháng đồng thời với mỗi kỳ lương cho tổ chức kinh tế theo mức qui định tại mục 1 trên đây.
- Trong trường hợp người lao động không thực hiện lĩnh lương hàng tháng hoặc tổ chức kinh tế không có điều kiện thu phí dịch vụ do người lao động nhận lương trực tiếp từ bên thuê lao động ở nước ngoài, thì người lao động có trách nhiệm thực hiện nộp phí dịch vụ theo phương thức đã thoả thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế.

IV. THUẾ THU NHẬP CAO:

Người lao động có trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân theo qui định tại Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19/5/1994, Nghị định số 05/CP ngày 20/1/1995 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 27TC/TCT ngày 30/3/1995 của Bộ Tài chính.

Đối với các cá nhân làm việc tại các nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt nam thì thực hiện theo các nội dung của Hiệp định ký với từng nước cụ thể và công văn hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần số 1664TCT/HTQT ngày 11/10/1994 của Tổng cục thuế-Bộ Tài chính.

1. Thu nhập chịu thuế: Do tính chất đặc thù của đối tượng nộp thuế thu nhập cao là người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo từng hợp đồng cụ thể, nên thu nhập chịu thuế

thu nhập cao được xác định như sau:

a. Thu nhập thuộc diện chịu thuế là thu nhập được ghi rõ trong hợp đồng mà bên sử dụng lao động ở nước ngoài chi trả hàng tháng toàn bộ tiền lương cho người lao động để họ tự lo liệu các chi phí về ăn, ở, đi lại, tiền bảo hiểm và các chi phí khác trong suốt thời gian làm việc theo hợp đồng. Trường hợp bên sử dụng lao động chỉ đảm bảo một phần chi phí về ăn, ở, đi lại và BHXH, thì phần chi phí còn lại được tính trừ khỏi thu nhập ghi trong hợp đồng để tính thu nhập dòng theo quy định tại điểm b dưới đây.

b. Nếu theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động chỉ trả cho người lao động một phần tiền lương (thu nhập ròng) không bao gồm chi phí về ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì các khoản chi phí này được ấn định bằng số tiền thu nhập ròng (hay nói cách khác bằng khoảng 50% tổng thu nhập) để tính tổng thu nhập chịu thuế.

c. Các khoản được tính trừ để xác định thu nhập chịu thuế là các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng khi tính phí dịch vụ qui định tại mục III điểm 1 của thông tư này (không trừ thuế thu nhập cao đã nộp ở nước đến làm việc, nếu có).

d. Trong các hợp đồng lao động với nước ngoài thì thu nhập hàng tháng của người lao động được ổn định cho cả hợp đồng, do đó thu nhập hàng tháng chính là thu nhập chịu thuế bình quân các tháng trong năm.

2. Thuế xuất thuế thu nhập cao:

Theo điều 10 mục 2 của Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19/5/1994 thì người lao động Việt nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thực hiện theo biểu thuế lũy tiến từng phần và thuế thu nhập được tính toán theo bảng hướng dẫn sau:

Bậc	Thu nhập bình quân tháng/người	Thuế xuất	Số thuế phải nộp
1	đến 5.000	0%	0
2	Trên 5.000 đến 12.000	10%	TNCT x 10% - 500
3	Trên 12.000 đến 30.000	20%	TNCT x 20% - 1.700